

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết quy định về
mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với các nội dung cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với việc ký kết và thực hiện cam kết quốc tế. Theo đó, tại khoản 3 Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, trong đó có nội dung “*Rà soát, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cải tiến quy trình để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết, thực hiện cam kết quốc tế; tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tinh giản thủ tục hành chính để tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế trong công tác ký kết, thực hiện cam kết quốc tế...*”

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 65/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế:

“1. Ngân sách trung ương bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế gồm: ...

2. Ngân sách địa phương bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nhằm thực hiện hợp tác quốc tế thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó”.

- Tại gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 43/2022/TT-BTC, quy định:

“a) Lập dự toán

Đối với địa phương: Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan được phân công chủ trì thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế lập dự toán kinh phí, gửi cơ quan quản lý cấp trên để báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, trình Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.”

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 43/2022/TT-BTC: *“3. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương.”*

Bên cạnh đó, để thực hiện mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất theo tinh thần các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương¹, do đó xây dựng và ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai là có cơ sở chính trị, pháp lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở nội dung được giao tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) thông qua Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đối với tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) không ban hành nghị quyết quy định mức chi cụ thể.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, sau sắp xếp, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) đã quyết định áp dụng Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai mới.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành trước sắp xếp phải được xử lý để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính

¹ Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

quyền địa phương các cấp. Tại Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 06/10/2025, Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01/6/2026.

Từ những vấn đề nêu trên, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, thực hiện theo quy định của Thông tư số 43/2022/TT-BTC, thì việc ban hành Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai là có cơ sở chính trị, pháp lý và cần thiết, nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương liên quan đến công tác thỏa thuận quốc tế.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nhằm quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai phù hợp với quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC và tình hình thực tế tại địa phương.

Giải quyết được những vấn đề bất cập khi sắp xếp 02 tỉnh Bình Định (trước sắp xếp), Gia Lai (trước sắp xếp) đảm bảo việc áp dụng thống nhất, đồng bộ quy định về mức chi thực hiện đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Đảm bảo cơ sở pháp lý quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Nội dung quy định của dự thảo Nghị quyết phải đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với quy định của Thông tư số 43/2022/TT-BTC và điều kiện thực tế tại địa phương.

b) Việc tham mưu xây dựng và ban hành Nghị quyết phải phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính và tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (dự thảo; tổ chức lấy ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai; gửi Sở Tư pháp thẩm định; tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 04 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2: Mức chi.

Điều 3: Tổ chức thực hiện.

Điều 4: Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2.2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại Luật Thỏa thuận quốc tế.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2.3. Mức chi cụ thể

2.3.1. Mức chi cho các nội dung chi đã có văn bản quy định chế độ, định mức chi tiêu.

2.3.2. Một số mức chi có tính chất đặc thù phục vụ công tác thỏa thuận quốc tế:

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

Kinh phí thực hiện các mức chi quy định tại Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

(Kèm theo các văn bản: Dự thảo Nghị quyết; bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết; văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; bản tổng hợp ý kiến tham gia và giải trình tiếp thu ý kiến tham gia; các tài liệu khác có liên quan)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, T2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Lịch

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14;

*Căn cứ Nghị định số 65/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng
kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác
thỏa thuận quốc tế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 177/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác
điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;*

*Xét Tờ trình số 401/TTr-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Gia Lai về dự thảo Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho
công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của số
56/BC-BPC ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho
công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại Luật Thỏa thuận quốc tế.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi

1. Mức chi cho các nội dung chi đã có văn bản quy định chế độ, định mức chi tiêu: Thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành, cụ thể:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác phí trong nước: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân

tỉnh Gia Lai quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Chi công tác phí nước ngoài: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

c) Chi rà soát liên quan đến thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm b khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Chi dịch thuật; chi đón các đoàn nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định một số mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

e) Chi tuyên truyền, phổ biến thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Một số mức chi có tính chất đặc thù phục vụ công tác thỏa thuận quốc tế:

a) Chi xây dựng các loại hồ sơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế (gồm: hồ sơ trình về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế; hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế): 10.000.000 đồng/01 bộ hồ sơ.

b) Chi soạn thảo mới dự thảo thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP (*tính cho sản phẩm là thỏa thuận quốc tế cuối cùng được ký kết*): 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Chi báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: 3.000.000 đồng/báo cáo.

d) Việc chi soạn thảo các bộ hồ sơ, soạn thảo văn bản, các loại báo cáo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này tính cho sản phẩm cuối cùng (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý), do cơ quan được giao chủ trì thực hiện các công việc của công tác thỏa thuận quốc tế thực hiện.

3. Các mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 43/2022/TT-BTC.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.

2. Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Số: /BC-STP

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2635/STC-TCHCSN ngày 26/3/2026 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết*). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở đối chiếu Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Thỏa thuận quốc tế; Nghị định số 65/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế; Thông tư số 43/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP*), Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế “3. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương **trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể** cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”. HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) thông qua Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đối với tỉnh Bình Định không ban hành nghị quyết quy định mức chi này.

Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025; kể từ ngày 01/7/2025, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai được sắp xếp thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai và hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Để bảo đảm tiến độ xử lý các văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết *(thay thế Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai)*, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh thông qua là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp thống nhất về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng trong việc quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

IV. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

V. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở nội dung tham gia góp ý tại Công văn số 1761/SNV-VP ngày 23/3/2026 của Sở Nội vụ, Công văn số 847/SKHCN-VP ngày 19/03/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh thì dự thảo Nghị quyết đảm bảo về nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Cơ bản, dự thảo đảm bảo về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 2 của dự thảo, đề nghị Quý Sở bỏ cụm từ “*của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế*” (vì đây là lần viện dẫn tiếp theo) để phù hợp với kỹ thuật viện dẫn văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Ngoài ra, tại điểm d khoản 1 Điều 2 của dự thảo quy định “*Chi dịch thuật; chi đón các đoàn nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định một số mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.*”, đề nghị Quý Sở giải trình thêm trong bản so sánh, thuyết minh lý do vì sao không xây dựng Nghị quyết để xử lý Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định một số mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

VII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh

Đề nghị Quý Sở hoàn thiện nội dung thẩm định tại Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, P.NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022

THÔNG TƯ**Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước
bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế***Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;**Căn cứ Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;**Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2021/NĐ-CP).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế và Luật Thỏa thuận quốc tế.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí và nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP.

Điều 3. Nội dung chi cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP.

Điều 4. Mức chi

1. Mức chi cho các nội dung chi đã có văn bản quy định chế độ, định mức chi tiêu: Thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành, cụ thể:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác phí trong nước: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

b) Chi công tác phí nước ngoài: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

c) Chi rà soát liên quan đến điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5; điểm b, khoản 2, Điều 5; điểm d, khoản 3, Điều 5; điểm b, khoản 2, Điều 6; điểm c, khoản 3, Điều 6, Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

d) Chi dịch thuật; chi đón các đoàn nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

đ) Chi xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế của Việt Nam đặt tại Bộ Ngoại giao quy định tại điểm e, khoản 6, Điều 5 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP; chi xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c, khoản 6, Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và các văn bản hướng dẫn liên quan.

e) Chi tuyên truyền, phổ biến điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c, khoản 7, Điều 5 và điểm a, khoản 4, Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

2. Các khoản chi khác:

a) Các khoản chi đóng góp tài chính hoặc niên liễm cho tổ chức quốc tế được thành lập theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định tại điểm đ, khoản 7, Điều 5 và chi đóng góp tài chính theo thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi cấp bản sao điều ước quốc tế; chi phí sao lục, in ấn tài liệu; chi mua, thu thập tài liệu; chi mua văn phòng phẩm phục vụ trực tiếp cho soạn thảo điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế; các khoản chi phí khác phát sinh phục vụ trực tiếp công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế: Thực hiện theo thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

3. Một số mức chi có tính chất đặc thù phục vụ công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế:

a) Việc xây dựng các loại hồ sơ quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 5 và điểm d, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP gồm: Hồ sơ trình về việc nghiên cứu, xây dựng phương án đàm phán, xây dựng hồ sơ đề xuất đàm phán ĐUQT; hồ sơ trình về đề xuất ký điều ước quốc tế; hồ sơ trình về việc phê chuẩn điều ước

quốc tế; hồ sơ trình về việc phê duyệt điều ước quốc tế; hồ sơ trình về việc gia nhập điều ước quốc tế; hồ sơ trình về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với điều ước quốc tế; hồ sơ trình về việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu điều ước quốc tế; hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế; hồ sơ trình về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế; hồ sơ trình về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế; hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Mức chi tối đa 10.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ, do cơ quan chủ trì trình thực hiện và tính cho sản phẩm hồ sơ cuối cùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục một bộ hồ sơ thực hiện theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế, Luật Thỏa thuận quốc tế. Tùy thuộc vào nội dung, tính chất, mức độ phức tạp của từng điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, Thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi phù hợp, tối đa không quá mức chi quy định tại điểm này.

b) Chi soạn thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 và điểm c, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP (tính cho sản phẩm là điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế cuối cùng được ký kết):

- Soạn thảo mới dự thảo điều ước quốc tế: Tối đa 8.000.000 đồng/văn bản;
- Soạn thảo dự thảo điều ước quốc tế sửa đổi, bổ sung: Tối đa 5.000.000 đồng/văn bản
- Soạn thảo mới dự thảo thỏa thuận quốc tế: Tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Chi các cuộc họp của Hội đồng kiểm tra điều ước quốc tế, Hội đồng thẩm định điều ước quốc tế (nếu có) quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 5 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP:

- Người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi;
- Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi;
- Lấy ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: 500.000 đồng/văn bản (số lượng ý kiến tham luận do Thủ trưởng cơ quan chủ trì quyết định và chịu trách nhiệm, đảm bảo hiệu quả, trong phạm vi nguồn kinh phí được giao).

d) Chi báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên của Hội đồng kiểm tra, Hội đồng thẩm định trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18

và khoản 3 Điều 20 Luật Điều ước quốc tế theo quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 5 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP; của Hội đồng thẩm tra trong trường hợp điều ước quốc tế có nội dung quan trọng, phức tạp theo quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 5 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP:

- Đối với dự thảo điều ước quốc tế mới hoặc thay thế: 1.000.000 đồng/báo cáo;
- Đối với dự thảo điều ước quốc tế sửa đổi, bổ sung: 700.000 đồng/báo cáo.

đ) Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định tại điểm h, khoản 7, Điều 5; điểm c khoản 8, Điều 5 và điểm c khoản 5, Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP:

- Báo cáo quốc gia về việc thực hiện điều ước quốc tế nhiều bên theo quy định của điều ước quốc tế: Tối đa 10.000.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Chủ tịch nước: Tối đa 8.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế định kỳ hàng năm của các Bộ, ngành: Tối đa 5.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền: Tối đa 3.000.000 đồng/báo cáo.

e) Chi cho việc xây dựng báo cáo thẩm định, báo cáo kiểm tra đối với đề xuất ký, gia nhập điều ước quốc tế quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 5 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP và báo cáo thẩm tra điều ước quốc tế quy định tại điểm d, khoản 5, Điều 5 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP:

- Đối với dự thảo điều ước quốc tế mới hoặc thay thế: 1.500.000 đồng/báo cáo;
- Đối với dự thảo điều ước quốc tế sửa đổi, bổ sung: 1.000.000 đồng/báo cáo.

g) Chi cấp ý kiến pháp lý cho các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay, thỏa thuận bảo lãnh Chính phủ quy định tại khoản 9, Điều 5 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: 4.000.000 đồng/01 ý kiến pháp lý (bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến công tác cấp ý kiến pháp lý như: soạn thảo, họp, dịch tài liệu và các công việc khác phục vụ việc cấp ý kiến pháp lý).

h) Chi lấy ý kiến chuyên gia quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 5; điểm d, khoản 2, Điều 5; điểm đ, khoản 4, Điều 5; điểm h, khoản 7, Điều 5 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: 1.000.000 đồng/văn bản góp ý (thực hiện trong trường hợp liên quan đến điều ước quốc tế thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập; số lượng chuyên gia do Thủ trưởng cơ quan chủ trì quyết định và chịu trách nhiệm, đảm bảo hiệu quả, trong phạm vi nguồn kinh phí được giao).

i) Việc chi soạn thảo các bộ hồ sơ, soạn thảo văn bản, các loại báo cáo quy định tại Điểm a, b, d, đ, e, g Khoản này tính cho sản phẩm cuối cùng (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý), do cơ quan được giao chủ trì thực hiện các công việc của công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thực hiện.

Điều 5. Lập và phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế

Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định sau:

1. Lập và phân bổ dự toán:

a) Lập dự toán:

- Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Hàng năm, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các công việc của công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế căn cứ vào nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này và các văn bản liên quan khác để lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế gửi cơ quan quản lý cấp trên để báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm của Bộ, cơ quan trung ương, gửi Bộ Tài chính.

- Đối với địa phương: Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan được phân công chủ trì thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế lập dự toán kinh phí, gửi cơ quan quản lý cấp trên để báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, tổng hợp

chung vào dự toán chi ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, trình Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

Riêng đối với nhiệm vụ thực hiện công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế được Nhà nước, Chính phủ phân công thực hiện (do ngân sách trung ương bảo đảm), cơ quan được phân công chủ trì thực hiện lập dự toán kinh phí đảm bảo cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của địa phương (phần dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) để gửi Bộ Tài chính.

- Căn cứ đề xuất của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương, Bộ Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

b) Phân bổ dự toán, chấp hành dự toán ngân sách:

- Sau khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Tài chính thực hiện giao dự toán cho các Bộ, các cơ quan trung ương trong kinh phí chi thường xuyên hàng năm và thực hiện giao dự toán cho các địa phương theo hình thức bổ sung có mục tiêu để thực hiện nhiệm vụ công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế theo kế hoạch đã được phê duyệt;

- Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện giao kinh phí cho các cơ quan đơn vị trực thuộc thực hiện công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế thực hiện, đồng gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định.

2. Sử dụng và quyết toán kinh phí:

Kinh phí cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế được sử dụng và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chế độ bồi dưỡng ngoài lương đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Thông tư này được áp dụng cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang do Chính phủ ban hành

để triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

2. Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các Bộ, cơ quan trung ương lập dự toán chi cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện trong phạm vi dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao.

3. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương.

4. Trường hợp các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương chưa ban hành văn bản quy định mức chi cụ thể thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ mức chi quy định tại Thông tư này quyết định mức chi cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế nhưng tối đa không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này, đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí, trong phạm vi dự toán nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao.

5. Đối với các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được phê duyệt dự toán thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.

6. Đối với kinh phí chi cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế năm 2022, các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương chủ động bố trí, sắp xếp trong dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao năm 2022 để thực hiện.

7. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2022. Thông tư số 13/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Thành Hưng

NGHỊ ĐỊNH

**Về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm
cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế theo quy định của Luật Điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế và Luật Thỏa thuận quốc tế.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế

1. Kinh phí cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc bố trí kinh phí cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế của các cơ quan phải căn cứ trên cơ sở chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện hợp tác quốc tế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan thực hiện công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế theo phân cấp ngân sách hiện hành quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; riêng kinh phí chi cho nhiệm vụ kiểm tra, thẩm định điều ước quốc tế là khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt.

4. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

5. Trường hợp công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế được tài trợ từ nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, tài trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức và cá nhân khác ở trong và ngoài nước thì việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn tài trợ đó.

Điều 4. Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế

1. Ngân sách trung ương bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế gồm:

a) Kinh phí cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước ở trung ương; tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan, đơn vị trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân;

b) Kinh phí cấp cho cơ quan nhà nước cấp tỉnh nhằm thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế trong khuôn khổ điều ước quốc tế hoặc thực hiện hoạt động thỏa thuận quốc tế theo phân công của Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nhằm thực hiện hợp tác quốc tế thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.

3. Kinh phí cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế của cơ quan trung ương của tổ chức, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức được bảo đảm từ ngân sách nhà nước trong trường hợp cơ quan đó thực hiện hợp tác quốc tế trong khuôn khổ điều ước quốc tế hoặc thực hiện hoạt động thỏa thuận quốc tế theo sự phân công của Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp thỏa thuận quốc tế của cơ quan trung ương của tổ chức, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức nhằm thực hiện hợp tác quốc tế khác thì kinh phí cho công tác thỏa thuận quốc tế đó được bảo đảm từ nguồn tài chính của tổ chức.

Chương II

NỘI DUNG CHI CHO CÔNG TÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VÀ CÔNG TÁC THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 5. Nội dung chi cho công tác điều ước quốc tế

1. Chi cho việc nghiên cứu, đề xuất việc đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế, bảo lưu điều ước quốc tế gồm:

- a) Mua, thu thập tài liệu liên quan trực tiếp đến điều ước quốc tế;
- b) Tổ chức họp, hội nghị, hội thảo chuyên đề, lấy ý kiến chuyên gia;
- c) Khảo sát thực tiễn trong nước và quốc tế; đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế; rà soát, so sánh điều ước quốc tế với pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên;
- d) Xây dựng dự thảo điều ước quốc tế, dự thảo điều ước quốc tế sửa đổi, bổ sung;
- đ) Nghiên cứu, xây dựng phương án đàm phán; xây dựng hồ sơ đề xuất đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, rút bảo lưu, rút phản đối bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế;
- e) Xây dựng tuyên bố, bảo lưu khi gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên;
- g) Tổ chức dịch thuật điều ước quốc tế và các tài liệu có liên quan.

2. Chi cho việc góp ý đề xuất đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế, bảo lưu điều ước quốc tế gồm:

- a) Mua, thu thập tài liệu liên quan trực tiếp đến điều ước quốc tế;

b) Rà soát mức độ phù hợp của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế liên quan;

c) Nghiên cứu kinh nghiệm và pháp luật trong nước và quốc tế liên quan;

d) Tổ chức họp, lấy ý kiến chuyên gia;

đ) Dịch tài liệu có liên quan;

e) Xây dựng văn bản góp ý.

3. Chỉ cho việc tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế, gồm:

a) Tổ chức đón đoàn đàm phán của nước ngoài;

b) Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế ở trong nước hoặc ở nước ngoài;

c) Tổ chức họp chuẩn bị đàm phán, xây dựng biên bản đàm phán;

d) Tổ chức rà soát văn bản điều ước quốc tế được ký trong chuyến thăm của đoàn lãnh đạo cấp cao nước ngoài tại Việt Nam hoặc chuyến thăm của đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam tại nước ngoài;

đ) Dịch tài liệu có liên quan.

4. Chỉ cho việc kiểm tra của Bộ Ngoại giao, thẩm định của Bộ Tư pháp đối với đề xuất ký, gia nhập điều ước quốc tế, gồm:

a) Mua, thu thập tài liệu liên quan trực tiếp đến điều ước quốc tế;

b) Báo cáo đánh giá độc lập về sự phù hợp của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam, sự tương thích của điều ước với các điều ước quốc tế liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao;

c) Xây dựng báo cáo kiểm tra, báo cáo thẩm định;

d) Dịch tài liệu có liên quan;

đ) Tổ chức họp, lấy ý kiến chuyên gia;

e) Thành lập Hội đồng kiểm tra, Hội đồng thẩm định trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 và khoản 3 Điều 20 Luật Điều ước quốc tế.

5. Chỉ cho việc thẩm tra của Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ đối với đề xuất đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế, bảo lưu điều ước quốc tế gồm:

- a) Mua, thu thập tài liệu liên quan trực tiếp đến điều ước quốc tế;
- b) Tổ chức họp lấy ý kiến;
- c) Thành lập Hội đồng thẩm tra trong trường hợp điều ước quốc tế có nội dung quan trọng, phức tạp;
- d) Biên soạn báo cáo thẩm tra.

6. Chi cho việc lưu chiều, lưu trữ, sao lục, đăng tải điều ước quốc tế, gồm:

- a) Lưu chiều điều ước quốc tế nhiều bên;
- b) Lưu trữ điều ước quốc tế; văn bản quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế; văn bản thông báo đối ngoại, văn kiện phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế; giấy ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế; giấy ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế và các văn kiện khác có liên quan;
- c) Sao lục điều ước quốc tế;
- d) Đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đề xuất và của Bộ Ngoại giao;
- đ) Cấp bản sao điều ước quốc tế;
- e) Xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế của Việt Nam đặt tại Bộ Ngoại giao.

7. Chi cho công tác tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, gồm:

- a) Mua, thu thập tài liệu phục vụ trực tiếp việc thực hiện điều ước quốc tế;
- b) Xây dựng kế hoạch, đề án thực hiện điều ước quốc tế;
- c) Tuyên truyền, phổ biến điều ước quốc tế;
- d) Dịch tài liệu phục vụ trực tiếp việc thực hiện điều ước quốc tế;
- đ) Đóng góp tài chính hoặc niên liễm cho tổ chức quốc tế được thành lập theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- e) Tổ chức đối thoại, hội nghị ở Việt Nam hoặc tham dự hội nghị ở nước ngoài về việc thực hiện điều ước quốc tế;
- g) Triển khai các nhiệm vụ của cơ quan trung ương theo điều ước quốc tế, cơ quan đầu mối theo dõi thi hành điều ước quốc tế theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

h) Xây dựng, dịch thuật báo cáo quốc gia về việc thực hiện điều ước quốc tế nhiều bên theo quy định của điều ước quốc tế hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến chuyên gia về báo cáo quốc gia, phương án đánh giá chéo báo cáo quốc gia của nước khác theo quy định của điều ước quốc tế; tổ chức đoàn công tác để trình bày và bảo vệ báo cáo quốc gia, đánh giá chéo báo cáo quốc gia của nước khác theo quy định của điều ước quốc tế; xây dựng các báo cáo chuyên đề và tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện khuyến nghị của các tổ chức quốc tế, cơ quan có thẩm quyền đối với việc thực thi điều ước quốc tế.

8. Chỉ cho công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, gồm:

a) Xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giám sát;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động ký kết và thực hiện điều ước quốc tế;

c) Biên soạn báo cáo, tổ chức các cuộc họp đánh giá báo cáo kiểm tra, giám sát, tổng kết tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế.

9. Chỉ cho công tác cấp ý kiến pháp lý cho các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay, thỏa thuận bảo lãnh Chính phủ, gồm:

a) Mua, thu thập tài liệu liên quan trực tiếp;

b) Dịch tài liệu liên quan phục vụ việc cấp ý kiến pháp lý;

c) Xây dựng dự thảo ý kiến pháp lý;

d) Tổ chức họp lấy ý kiến về các nội dung liên quan phục vụ cấp ý kiến pháp lý.

10. Chỉ cho công tác thống kê, rà soát điều ước quốc tế gồm:

a) Mua, thu thập tài liệu liên quan trực tiếp;

b) Dịch tài liệu liên quan phục vụ cho việc thống kê, rà soát;

c) Tổ chức đoàn công tác để rà soát danh mục, bản chính, hiệu lực của điều ước quốc tế đã ký kết.

11. Các chi phí cần thiết khác phục vụ trực tiếp công tác điều ước quốc tế.

Điều 6. Nội dung chi cho công tác thỏa thuận quốc tế

1. Chi cho việc xây dựng đề án, kế hoạch về đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế, gồm:

- a) Mua, thu thập tài liệu liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế;
- b) Tổ chức họp lấy ý kiến;
- c) Xây dựng dự thảo thỏa thuận quốc tế, dự thảo thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung;
- d) Xây dựng hồ sơ đề xuất ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế;
- đ) Tổ chức dịch thuật thỏa thuận quốc tế và các tài liệu có liên quan.

2. Chi cho việc góp ý đề xuất đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế, gồm:

- a) Mua, thu thập tài liệu liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế;
- b) Rà soát, đánh giá sự phù hợp của thỏa thuận quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế liên quan;
- c) Tổ chức họp lấy ý kiến;
- d) Dịch tài liệu có liên quan;
- đ) Xây dựng văn bản góp ý.

3. Chi cho việc tổ chức đàm phán, ký kết thỏa thuận quốc tế, gồm:

- a) Tổ chức đón đoàn đàm phán của nước ngoài;
- b) Tổ chức đàm phán, ký kết thỏa thuận quốc tế ở trong nước hoặc nước ngoài;
- c) Tổ chức rà soát, đối chiếu văn bản thỏa thuận quốc tế được ký trong chuyến thăm của đoàn lãnh đạo cấp cao nước ngoài tại Việt Nam hoặc chuyến thăm của đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam tại nước ngoài;
- d) Dịch tài liệu có liên quan.

4. Chi cho việc tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế, gồm:

- a) Lưu trữ, sao lục, công bố, tuyên truyền, phổ biến thỏa thuận quốc tế, công bố thỏa thuận quốc tế bằng hình thức đăng tải trên Cổng thông tin điện tử;

- b) Đóng góp tài chính theo thỏa thuận quốc tế;
- c) Tổ chức họp ở trong nước hoặc nước ngoài về việc thực hiện thỏa thuận quốc tế;
- d) Xây dựng kế hoạch thực hiện thỏa thuận quốc tế.

5. Chỉ cho công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, gồm:

- a) Xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giám sát;
- b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế;
- c) Xây dựng báo cáo, tổ chức các cuộc họp đánh giá báo cáo kiểm tra, giám sát, tổng kết tình hình ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

6. Chỉ cho công tác thống kê, rà soát thỏa thuận quốc tế gồm:

- a) Mua, thu thập tài liệu liên quan trực tiếp;
- b) Dịch tài liệu liên quan phục vụ cho việc thống kê, rà soát;
- c) Xây dựng, cập nhật dữ liệu về thỏa thuận quốc tế;
- d) Tổ chức đoàn công tác để rà soát danh mục, bản chính, hiệu lực của thỏa thuận quốc tế đã ký kết.

7. Các chi phí cần thiết khác phục vụ trực tiếp công tác thỏa thuận quốc tế.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7. Hiệu lực thi hành

- 1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.
- 2. Nghị định số 74/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

- 1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (2b). 111

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính
phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều
uớc quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;
Căn cứ Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà
nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;
Xét Tờ trình số 3180/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo
cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số
386/BC-BKTNS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại Luật Thỏa thuận quốc tế.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức chi

1. Mức chi cho các nội dung chi đã có văn bản quy định chế độ, định mức chi tiêu: Thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành, cụ thể:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác phí trong nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Chi dịch thuật; chi đón các đoàn nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Một số mức chi có tính chất đặc thù phục vụ công tác thỏa thuận quốc tế:

a) Chi xây dựng các loại hồ sơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế (gồm: hồ sơ trình về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế; hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế): 10.000.000 đồng/01 bộ hồ sơ.

b) Chi soạn thảo mới dự thảo thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP (*tính cho sản phẩm là thỏa thuận quốc tế cuối cùng được ký kết*): 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Chi báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: 3.000.000 đồng/báo cáo.

d) Việc chi soạn thảo các bộ hồ sơ, soạn thảo văn bản, các loại báo cáo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này tính cho sản phẩm cuối cùng (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý), do cơ quan được giao chủ trì thực hiện các công việc của công tác thỏa thuận quốc tế thực hiện.

3. Các mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

Ng nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Ngoại giao;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

BẢNG SO SÁNH THUYẾT MINH MỨC CHI ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC THỎA THUẬN QUỐC TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày /4/2026 của Sở Tài chính)

TT	NỘI DUNG CHI	Mức chi theo quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC	Mức chi theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
1	Mức chi cho các nội dung chi đã có văn bản quy định chế độ, định mức chi tiêu: Thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành, cụ thể:				
	a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác phí trong nước	Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
	b) Chi công tác phí nước ngoài	Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.	Không quy định	Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.	
	c) Chi rà soát liên quan đến thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm b khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP	Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.	Không quy định	Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
	d) Chi dịch thuật; chi đón các đoàn nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam:	Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.	Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 105/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Thực hiện theo quy định Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định một số mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Hiện nay, căn cứ ban hành Nghị quyết nêu trên là Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính đã được thay thế bởi Thông tư 35/2026/TT-BTC ngày 31/03/2026 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/5/2026 . Tại Tờ trình số 313/TTr-UBND ngày 31/3/2026, UBND tỉnh đã trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị tổ chức kỳ họp thứ 2 (chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031 trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2026 đến ngày 25/4/2026; căn cứ quy định Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thời gian soạn thảo, lấy ý kiến góp ý (10 ngày), thẩm định (trong thời hạn 15 ngày). Do đó, Sở Tài chính chưa trình Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định trình tại kỳ họp chuyên đề trong tháng 4. Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết Sở Tài chính đã dự thảo quy định: "Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế". Do đó, nội dung viện dẫn Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định là phù hợp.
	e) Chi tuyên truyền, phổ biến thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP	Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.	Không quy định	Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
2	Một số mức chi có tính chất đặc thù phục vụ công tác thỏa thuận quốc tế:				
	a) Chi xây dựng các loại hồ sơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP của Chính phủ (gồm: hồ sơ trình về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế; hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế)	Mức chi tối đa 10.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ	10.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ	10.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ	

2					
TT	NỘI DUNG CHI	Mức chi theo quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC	Mức chi theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
	b) Chi soạn thảo mới dự thảo thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP (tính cho sản phẩm là thỏa thuận quốc tế cuối cùng được ký kết)	Tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.	5.000.000 đồng/văn bản.	5.000.000 đồng/văn bản.	
	c) Chi báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP	Tối đa 3.000.000 đồng/báo cáo.	3.000.000 đồng/báo cáo.	3.000.000 đồng/báo cáo.	
Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 43/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.					

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về đề nghị xây dựng dự thảo dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày /4/2026 của Sở Tài chính)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai về quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

1. Tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương đã được Sở Tài chính gửi xin ý kiến: 158 đơn vị và tổng số ý kiến nhận được là 50 đơn vị.

Thống nhất dự thảo: 47 đơn vị.

Có tham gia góp ý dự thảo: 03 đơn vị.

Không gửi Văn bản tham gia: 108 cơ quan, đơn vị, địa phương.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	
A. CÁC ĐƠN VỊ CÓ NỘI DUNG THAM GIA GÓP Ý				
I. Đối với dự thảo Nghị quyết				
1. Căn cứ văn bản đề ban hành Nghị quyết		- Đề nghị bỏ “Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;”, vì các văn bản này không liên quan đến nội dung của dự thảo Nghị quyết.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa	
		- Tại nội dung “Hội đồng nhân dân <u>tỉnh</u> ban hành Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.” đề nghị bỏ từ “tỉnh” gạch chân nêu trên để phù hợp với Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	Tiếp thu, đã chỉnh sửa	
2. Nội dung của dự thảo		- Tại điểm c khoản 1 Điều 2 của dự thảo quy định “c) Chi rà soát liên quan đến thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm b khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.”. Qua theo dõi, Sở Tư pháp chưa thấy Sở Tài chính tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Hiện nay, mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai đang thực hiện theo Nghị quyết số 99/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp). Do đó, đề nghị Quý Sở rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.	Hiện nay Sở Tài chính đang tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai	
		- Điểm a khoản 2 Điều 2 của dự thảo, đề nghị bỏ từ “của Chính phủ” trong cụm từ “Chi xây dựng các loại hồ sơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP của Chính phủ ...” để phù hợp với kỹ thuật viện dẫn văn bản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa	
		- Tại khoản 5 Điều 3 của dự thảo, đề nghị điều chỉnh từ “dẫn chiếu” thành “viện dẫn” cho chính xác.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa	
	Sở Tư pháp	- Đề nghị Quý Sở cân nhắc, có thể bổ sung một điều quy định nội dung về nguồn kinh phí thực hiện để dự thảo được rõ ràng hơn trong quá trình áp dụng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo: Tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 43/2022/TT-BTC: “3. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương.” không nêu quy định về nguồn kinh phí thực hiện.	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Ngoài ra, tại Điều 3 của dự thảo, đề nghị Quý Sở cân nhắc, có thể điều chỉnh theo bố cục như sau: <i>“Điều 3. Tổ chức thực hiện</i> <i>1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.</i> <i>2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.</i> <i>Điều 4. Điều khoản thi hành</i> <i>1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng ... năm 2026.</i> <i>2. Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.</i> <i>3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</i> <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2026./.”</i>	
3. Nơi nhận của dự thảo		Đề nghị điều chỉnh cụm từ “- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;” thành “- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;” cho chính xác.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa
4. Nội dung khác		Qua theo dõi, Sở Tư pháp chưa thấy Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh văn bản trình Thường trực HĐND tỉnh về đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, trong trường hợp chưa thực hiện thủ tục này, đề nghị Quý Sở căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 3 Điều 8 Thông tư số 26/2025/TT-BTP để tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu y kiến
Về nguồn kinh phí thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế		Qua nghiên cứu dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết, Sở Ngoại vụ nhận thấy nội dung về nguồn kinh phí chủ yếu được đề cập theo hướng kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách và bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị.	
		Sở Ngoại vụ cơ bản thống nhất với nguyên tắc nêu trên. Tuy nhiên, để bảo đảm phù hợp và đầy đủ với quy định tại Văn bản hợp nhất số 4719/VBHN-BNG, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét thể hiện đầy đủ hơn nguyên tắc về các nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước phục vụ công tác thỏa thuận quốc tế (nếu có), bảo đảm thống nhất với quy định của Nghị định. Việc bổ sung nội dung này sẽ góp phần phản ánh đầy đủ khung pháp lý hiện hành, đồng thời tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế có thể tiếp nhận và sử dụng các nguồn hỗ trợ, tài trợ hợp pháp theo quy định của pháp luật.	Tiếp thu, đã bổ sung nguồn kinh phí hợp pháp khác tại dự thảo tờ trình
Về nội dung chỉ cho công tác thỏa thuận quốc tế	Sở Ngoại vụ	Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung và hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 4719/VBHN-BNG), nội dung chỉ cho công tác thỏa thuận quốc tế bao gồm nhiều hoạt động như: xây dựng hồ sơ đề xuất ký kết, tổ chức đàm phán và ký kết, tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thỏa thuận quốc tế; thống kê, rà soát và cập nhật dữ liệu về thỏa thuận quốc tế. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát dự thảo Nghị quyết để bảo đảm các nội dung chỉ quy định trong văn bản phù hợp và đầy đủ với các nhóm hoạt động nêu tại Nghị định, trong đó có các nội dung liên quan đến: công tác thống kê, rà soát thỏa thuận quốc tế; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về thỏa thuận quốc tế; và kiểm tra, giám sát việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.	Căn cứ các mức chi quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Sở Tài chính đã xây dựng mức chi tại địa phương
Về đối tượng được ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí		Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung), ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho công tác thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới.	
		Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết để bảo đảm quy định về đối tượng áp dụng và phạm vi bảo đảm kinh phí phù hợp với quy định hiện hành, đặc biệt trong bối cảnh việc tổ chức chính quyền địa phương đã có một số thay đổi theo các văn bản pháp luật mới.	Tiếp thu, nội dung phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đã đảm bảo phù hợp
Việc lập dự toán kinh phí thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế		Theo quy định tại Nghị định số 65/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung), kinh phí thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế theo phân cấp ngân sách hiện hành.	
		Đề thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét làm rõ thêm nguyên tắc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế chủ động xây dựng dự toán kinh phí hằng năm, trên cơ sở kế hoạch hợp tác quốc tế và nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Việc làm rõ nội dung này sẽ giúp các cơ quan, đơn vị chủ động hơn trong việc lập dự toán và tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến công tác thỏa thuận quốc tế.	Việc lập và phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế đã được Bộ Tài chính quy định cụ thể tại Điều 5 Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn lực	Sở Nội vụ	Dự thảo Nghị quyết quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai đảm bảo việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Trong hồ sơ gửi kèm, đơn vị soạn thảo không đề cập về nội dung nguồn nhân lực, nên Sở Nội vụ không có cơ sở để tham gia ý kiến.	Tiếp thu ý kiến
B. CÁC ĐƠN VỊ CÓ Ý KIẾN THỐNG NHẤT ĐỐI VỚI NỘI DUNG DỰ THẢO TỔ TRÌNH VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT			
	Sở Y tế	Thống nhất	
	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Thống nhất	
	Sở DTTG	Thống nhất	
	Vườn QG Kon Ka Kinh	Thống nhất	
	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống nhất	
	Sở Công Thương	Thống nhất	
	Ban Quản lý Khu kinh tế	Thống nhất	
	Sở Xây dựng	Thống nhất	
	Trung tâm Khuyến nông	Thống nhất	
	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất	
	Thanh tra tỉnh Gia Lai	Thống nhất	
	UBND xã Ia Puch	Thống nhất	
	UBND xã Xuân An	Thống nhất	
	UBND P Quy Nhơn Đông	Thống nhất	
	UBND xã Phú Thiện	Thống nhất	
	UBND phường An Nhơn	Thống nhất	
	UBND xã Tuy Phước Đông	Thống nhất	
	UBND P An Phú	Thống nhất	
	UBND xã Phù Cát	Thống nhất	
	UBND phường Quy Nhơn	Thống nhất	
	UBND phường Thống Nhất	Thống nhất	
	UBND Phường Quy Nhơn Bắc	Thống nhất	
	UBND xã Ia Dok	Thống nhất	
	UBND xã Vĩnh Quang	Thống nhất	
	UBND xã SRố	Thống nhất	
	UBND xã An Vinh	Thống nhất	
	UBND xã Đak Pơ	Thống nhất	
	UBND Cát Tiến	Thống nhất	
	UBND xã Bình Phú	Thống nhất	
	UBND xã Ia Rsaì	Thống nhất	
	UBND phường An Nhơn Đông	Thống nhất	
	UBND xã Bình Dương	Thống nhất	
	UBND P Quy Nhơn Nam	Thống nhất	
	UBND xã Ia Pia	Thống nhất	
	UBND xã Phù Mỹ Bắc	Thống nhất	
	UBND xã Chư Krey	Thống nhất	
	UBND Phường Hội Phú	Thống nhất	
	UBND xã An Hòa	Thống nhất	
	UBND xã Ia Sao	Thống nhất	
	UBND xã Tuy Phước Đông	Thống nhất	
	UBND xã Ia Rbol	Thống nhất	
	UBND Phường An Khê	Thống nhất	

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày /4/2026 của Sở Tài chính)

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai về quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
1. Sở Tài chính đã tổ chức soạn thảo dự thảo Tờ trình và Nghị quyết, đồng thời tiến hành lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan. Trên cơ sở ý kiến góp ý thu thập được, Sở đã tổng hợp và gửi Sở Tư pháp để thẩm định tại Báo cáo số 223/BC-STP ngày 30/3/2026. Sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo theo quy định.
2. Kết quả cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Sự cần thiết ban hành Nghị quyết	Sở Tư pháp	Để bảo đảm tiến độ xử lý các văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết (thay thế Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai), báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh thông qua là cần thiết, có cơ sở pháp lý .	
Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp thống nhất về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết	
Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng	Sở Tư pháp	Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng trong việc quy định về mức chi đảm bảo cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết	Sở Tư pháp	Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật	
Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính	Sở Tư pháp	Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.	
Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Tư pháp	Dự thảo Nghị quyết đảm bảo về nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày	Sở Tư pháp	Cơ bản, dự thảo đảm bảo về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 2 của dự thảo, đề nghị Quý Sở bỏ cụm từ “của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế” (vì đây là lần viện dẫn tiếp theo) để phù hợp với kỹ thuật viện dẫn văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa
	Sở Tư pháp	Ngoài ra, tại điểm d khoản 1 Điều 2 của dự thảo quy định “<i>Chỉ dịch thuật; chỉ đón các đoàn nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định một số mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.</i>”, đề nghị Quý Sở giải trình thêm trong bản so sánh, thuyết minh lý do vì sao không xây dựng Nghị quyết để xử lý Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định một số mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Tiếp thu, đã giải trình thêm tại bảng so sánh, thuyết minh
Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản	Sở Tư pháp	Dự thảo Nghị quyết đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	
Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Đề nghị Quý Sở hoàn thiện nội dung thẩm định tại Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền	